

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 01 năm 2025

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU – CHI
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố;

Tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024 của UBND phường Ninh Thuận như sau:

1. Về thu ngân sách:

Thực hiện thu ngân sách Nhà nước năm 2024: 3.684.647.649 đồng, đạt 106,3% (3.684.647.649 đồng/ 3.466.000.000 đồng).

Tổng thu ngân sách phường năm 2024: 16.805.886.486 đồng, đạt 182,9% (16.805.886.486 đồng/ 9.187.414.000 đồng) (bao gồm các khoản thu mục tiêu, chuyển nguồn).

*** So với dự toán năm 2024:**

- Có 04/06 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt vượt 100 % so dự toán năm gồm:
 - + Lệ phí môn bài đạt 165,8% (99.494.000 đồng/ 60.000.000 đồng).
 - + Thu khác đạt 544,1% (141.473.698 đồng/ 26.000.000 đồng).
 - + Thuế phi nông nghiệp đạt 113,4% (1.111.986.208 đồng/ 981.000.000 đồng).
 - + Thuế thu nhập cá nhân đạt 102,9% (637.676.578 đồng/ 620.000.000 đồng).
- Có 02/06 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt dưới 85 % so dự toán năm gồm:
 - + Thuế giá trị gia tăng đạt 80,9% (1.234.788.063 đồng/ 1.526.000.000 đồng).
 - + Phí, Lệ phí đạt 64,2% (162.440.550 đồng/ 253.000.000 đồng).

*** So với cùng kỳ năm 2023:**

- Có 05/06 khoản thu, sắc thuế tăng so cùng kỳ, tỷ lệ tăng như sau: Phí, lệ phí tăng 5,3%; Thu khác tăng 0,6%; lệ phí môn bài tăng 14,0%; Thuế giá trị gia tăng 35,9%; Thuế thu nhập cá nhân tăng 27,7%.

- Có 01/06 khoản thu, sắc thuế giảm so cùng kỳ, tỷ lệ giảm như sau: Thuế phi nông nghiệp giảm 24,5%.

*** Nguyên nhân những kết quả đạt được:**

- Đạt được kết quả như trên là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng uỷ, HĐND và UBND phường ; sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể, khu phố và sự nỗ

lực phân đầu bám sát nguồn thu của đội ngũ cán bộ thuế, góp phần cùng hoàn thành nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2024.

*** Nguyên nhân của những hạn chế:**

- Đối với phí, lệ phí: Địa phương không chủ động được trong việc thu do phụ thuộc vào số lượng hồ sơ người dân đến giao dịch. Bên cạnh đó, do nhu cầu của người dân thực hiện công chứng tại các phòng công chứng tư nhiều, ảnh hưởng đến nguồn thu phí của địa phương.

- Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập cá nhân thu thấp so với dự toán do bộ thuế giao chỉ tiêu cao so với nguồn bộ thuế.

- Thuế phi nông nghiệp giảm so với năm 2023 do năm 2023 thu bù 02 năm (2022 -2023).

2. Về chi ngân sách nhà nước:

Thực hiện chi ngân sách nhà nước tháng 12 năm 2024: 1.764.059.256 đồng, lũy kế đến 31/12/2024 8.839.679.368 đồng, đạt 96,2% (8.839.679.368 đồng/ 9.187.414.000 đồng); so với cùng kỳ năm 2023 tăng 10,9%.

- Công tác điều hành chi ngân sách về cơ bản chi theo kế hoạch đề ra. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc chi tiêu ngân sách theo đúng chế độ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát trong chi tiêu.

- Thực hiện tốt quy chế công khai tài chính, công khai việc mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định; công khai tài chính cũng như pháp lệnh dân chủ ở cơ sở và qui chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Nhìn chung trong năm 2024, UBND phường luôn đảm bảo kinh phí hoạt động cho bộ máy của Đảng, đoàn thể và Nhà nước. Chi trả kịp thời các chế độ, lương, phụ cấp và kinh phí hoạt động thường xuyên của các ngành, các bộ phận chuyên môn.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024 của UBND Phường Ninh Thạnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hải

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.187.414.000	16.805.886.486	182,92
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	339.000.000	575.480.248	169,76
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.922.400.000	2.791.959.855	95,54
3	Huyện thu xã hưởng	4.886.614.000	6.832.293.327	139,82
4	Thu bổ sung	130.200.000	170.100.000	130,65
4.1	Thu bổ sung cân đối	-	-	
4.2	Thu bổ sung có mục tiêu	130.200.000	170.100.000	130,65
	- Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	130.200.000	170.100.000	130,65
	- Thu bổ sung có mục tiêu trong năm			
5	Thu chuyển nguồn, kết dư ngân sách năm trước	909.200.000	6.436.053.056	
II	TỔNG SỐ CHI	9.187.414.000	8.839.679.368	96,22
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	9.010.424.000	8.690.772.368	96,45
3	Dự phòng	176.990.000	148.907.000	84,13
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		-	

Ninh Thạnh, ngày tháng năm 2025

Kế toán

Nguyễn Thị Như Ngọc

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thanh Hải



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	3.466.000.000	9.187.414.000	3.684.647.649	16.805.886.486	106,31	182,92
I	Các khoản thu 100%	339.000.000	339.000.000	699.480.248	575.480.248	206,34	169,76
	Phí, lệ phí	253.000.000	253.000.000	162.440.550	162.440.550	64,21	64,21
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	60.000.000	60.000.000	99.494.000	99.494.000	165,82	165,82
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			65.400.000	65.400.000		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định			230.672.000	106.672.000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	26.000.000	26.000.000	141.473.698	141.473.698	544,13	544,13
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.127.000.000	2.922.400.000	2.985.167.401	2.791.959.855	95,46	95,54
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	981.000.000	981.000.000	1.112.252.760	1.112.252.760	113,38	113,38
	Thuế giá trị gia tăng	1.526.000.000	1.526.000.000	1.234.788.063	1.234.788.063	80,92	80,92
	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng thời vùng b			450.000	450.000		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thuế thu nhập cá nhân	620.000.000	415.400.000	637.676.578	444.469.032	102,85	107,00
III	Huyện thu xã hưởng	-	4.886.614.000	-	6.832.293.327		139,82
	Thuế giá trị gia tăng		1.675.000.000		2.150.493.587		128,39
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		603.000.000		162.585.466		26,96
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		6.700.000		1.698.914		25,36
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		2.601.914.000		1.317.685.614		50,64

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Thuế thu nhập cá nhân				3.143.962.707		
	Thu khác				52.267.039		
	Lệ phí môn bài				3.600.000		
IV	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn		909.200.000		4.780.805.792		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước				1.655.247.264		
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	130.200.000	-	170.100.000		130,65
	Thu bổ sung cân đối		-				
	Thu bổ sung mục tiêu		130.200.000		170.100.000		130,65

Ninh Thạnh, ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán



Nguyễn Thị Như Ngọc



Trần Thanh Hải

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	9.187.414.000	-	9.187.414.000	8.839.679.368	-	8.839.679.368	96,22		96,22
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng công nghệ chuyển giao	-								
3	Chi y tế	-								
4	Chi văn hóa, thông tin+TT.HTCĐ	199.280.000		199.280.000	190.386.650		190.386.650	95,54		95,54
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-								
6	Chi thể dục thể thao	18.900.000		18.900.000	2.835.000		2.835.000	15,00		15,00
7	Chi bảo vệ môi trường	45.000.000		45.000.000	3.780.000		3.780.000	8,40		8,40
8	Chi các hoạt động kinh tế	405.235.000		405.235.000	375.075.870		375.075.870	92,56		92,56
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.145.562.000	-	8.145.562.000	7.998.042.698	-	7.998.042.698	98,19		98,19
	- Chi QLNN	6.180.062.000		6.180.062.000	5.752.597.126		5.752.597.126	93,08		93,08
	- Đảng	834.378.000		834.378.000	936.517.659		936.517.659	112,24		112,24
	- MTTQ	382.884.000		382.884.000	427.542.440		427.542.440	111,66		111,66
	- Đoàn Thanh niên	134.315.000		134.315.000	188.372.068		188.372.068	140,25		140,25
	- Phụ nữ	139.515.000		139.515.000	172.630.508		172.630.508	123,74		123,74
	- Hội nông dân	151.781.000		151.781.000	173.794.370		173.794.370	114,50		114,50

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	- Hội cựu chiến binh	131.667.000		131.667.000	150.834.877		150.834.877	114,56		114,56
	- Hội người cao tuổi	66.320.000		66.320.000	63.391.650		63.391.650	95,58		95,58
	- Hội đặc thù	58.320.000		58.320.000	58.428.000		58.428.000	100,19		100,19
	- Hội chữ thập đỏ	66.320.000		66.320.000	73.934.000		73.934.000	111,48		111,48
	- Hội khuyến học									
10	Chi công tác xã hội	126.119.000		126.119.000	113.202.150		113.202.150	89,76		89,76
11	Chi khác NS(YT,GD,DS,HMNĐ)	39.620.000		39.620.000	7.450.000		7.450.000	18,80		18,80
12	Dự phòng ngân sách	176.990.000		176.990.000	148.907.000		148.907.000	84,13		84,13
13	Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc				-					
14	Chi nộp ngân sách cấp trên				-					
15	Nguồn chưa phân bổ	30.708.000		30.708.000						

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2025

Kế toán

Nguyễn Thị Như Ngọc

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thanh Hải

